

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HC-PT

Ngày: 14/5/2018

V/v: “Khiếu kiện hành vi
hành chính trong lĩnh vực đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các thẩm phán:

Ông Lê Viết Phong

Ông Nguyễn Đình Loan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Thúy – Thư ký Toà
án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Trịnh Duy Trung
– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17/4/2018 và 14/5/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước
xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 10/2016/TLPT-HC ngày
14/11/2016 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai*”

Do bản án hành chính sơ thẩm 01/2016/HC-ST ngày 28/9/2016 của Tòa án
nhân dân thị xã Phước Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXX-PT ngày 02/4/2018
giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Dương Thị T, sinh năm 1948

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 7, phường P, thị xã L

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Phước

Người Đại diện theo pháp luật: Ông Mai Xuân C – Chức vụ Chủ tịch UBND
thị xã Phước Long, ủy quyền cho ông Hoàng Xuân L1 – Chức vụ Phó Chủ tịch
UBND thị xã Phước Long tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 13/7/2016)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm
1947

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 7, phường P, thị xã L

Người kháng cáo: Bà Dương Thị T - Người khởi kiện.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Diện tích 1.063,2m² đất gia đình bà T sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm hành chính và Khu đô thị mới thị xã L có nguồn gốc là đất sân bay Phước Bình (Đất sân bay thuộc chế độ cũ). Năm 1990 gia đình bà nhận sang nhượng lại của ông Trần Bá Tam và ông Dương Hồng Khôi sử dụng ổn định từ đó đến nay và không có tranh chấp với ai. Năm 1993, Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Quân Khu 7, bao gồm cả diện tích đất mà gia đình bà đang sử dụng, nhưng không tiến hành thu hồi, giải tỏa, gia đình bà vẫn sinh sống trên diện tích đất này.

Năm 2012, khi thực hiện việc thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân thị xã L không ra quyết định thu hồi đất đối với từng hộ dân trong đó có hộ của bà mà ban hành các quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 “Về việc giải tỏa nhà, vật kiến trúc và cây trồng trên đất sân bay Phước Bình” và Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 30/3/2012 “Về việc hỗ trợ hộ ông Nguyễn Văn L2 bị giải tỏa trong khu vực sân bay Phước Bình”, theo đó không bồi thường về đất cho gia đình bà. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long hủy 02 quyết định số 338/QĐ-UBND và số 421/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thị xã L đồng thời buộc Ủy ban nhân dân thị xã L thực hiện hành vi bồi thường diện tích đất 1.063,2m² đã bị thu hồi theo quy định của nhà nước.

Tại phiên đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy 02 quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 “Về việc giải tỏa nhà, vật kiến trúc và cây trồng trên đất sân bay Phước Bình” và số 421/QĐ-UBND ngày 30/3/2012 “Về việc hỗ trợ hộ ông Nguyễn Văn L2 bị giải tỏa trong khu vực sân bay Phước Bình”. Bà tiếp tục khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thị xã L về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã L thực hiện hành vi bồi thường diện tích đất 1.063,2m² đã bị thu hồi theo quy định của nhà nước. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L2 chồng bà T cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà.

Quá trình giải quyết vụ án người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã L không đồng ý với yêu cầu được bồi thường về đất khi thu hồi của bà T vì cho rằng: Đất bà T khởi kiện là đất quân sự sân bay Phước Bình có từ trước giải phóng cho đến nay. Trong thời gian từ sau giải phóng đến năm 1987 và năm 1993 (Luật Đất đai ra đời), nhà nước đều không có chủ trương giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ ở tại khu vực sân bay Phước Bình và đã quy hoạch sử dụng đất cho quốc phòng. Do đó, diện tích đất 1.063,2m² tại sân bay Phước Bình do ông Nguyễn Văn L2 sang nhượng, lấn chiếm không hợp pháp, vi phạm Điều 5 Luật Đất đai năm 1987, nên không được hỗ trợ bồi thường theo quy định tại mục a.5 khoản 1 Điều 9 của Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước “về việc ban hành quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2016/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2016 Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tuyên xử:

- Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T về việc yêu cầu hủy 02 quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân thị xã L

gồm: Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 “Về việc giải tỏa nhà, vật kiến trúc và cây trồng trên đất sân bay Phước Bình” và Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 30/3/2012 “Về việc hỗ trợ hộ ông Nguyễn Văn L2 bị giải tỏa trong khu vực sân bay Phước Bình”.

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T về việc khiếu kiện hành vi hành chính yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã L thực hiện hành vi bồi thường khi thu hồi 1063,2m² đất.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/10/2016 bà Dương Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên Tòa, người khởi kiện bà Dương Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thị xã L bồi thường diện tích đất 1063,2m² cho gia đình bà.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng tại cấp Tòa án cấp phúc thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và thư ký, tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính kể từ khi thụ lý cho đến kết thúc phiên Tòa.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Do việc thụ lý của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng, xác định sai đối tượng khởi kiện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm vấn công khai các đương sự tại phiên tòa, xét kháng cáo của người khởi kiện, ý kiến, Kiểm sát viên, thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Dương Thị T nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên kháng cáo của bà được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện:

Sau khi có các quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất tại sân bay Phước Bình của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Ủy ban nhân dân thị xã L. Hộ gia đình ông L2, bà T được nhận tiền bồi thường hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc cây trồng trên đất với số tiền là 272.051.900 đồng theo quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 30/3/2012 của Ủy ban nhân dân thị xã L. Ngày 28/3/2012, Ủy ban nhân dân thị xã L ban hành Quyết định số 338/QĐ-UBND về việc giải tỏa nhà, vật kiến trúc và cây trồng trên đất sân bay Phước Bình đối với hộ ông Nguyễn Văn L2. Hộ ông Lương đã nhận tiền bồi thường về tài sản trên đất theo quyết định 421/QĐ-UBND.

Không được bồi thường về đất, ông Lương làm đơn đề nghị gửi Ủy ban nhân dân thị xã L yêu cầu được bồi thường về đất. Ngày 21/11/2012, Ủy ban thị xã L có Công văn số 803/UBND-NC trả lời đơn kiến nghị của ông với nội dung không chấp nhận vì yêu cầu của ông không có cơ sở xem xét giải quyết. Do năm 1993, ông đã có văn bản cam kết về việc mượn đất quốc phòng và cam đoan không khiếu nại về sau.

Không đồng ý với công văn trả lời bà Dương Thị T là vợ của ông L2 khiếu nại đến Chủ tịch UBND thị xã L. Ngày 25/6/2013, Chủ tịch UBND thị xã L ban hành Quyết định số 719/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà T, có nội dung bác yêu cầu khiếu nại về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã L bồi thường tiền thổ cư cho gia đình bà và cấp 01 lô đất tái định cư mặt đường ĐT 741 gần khu giải tỏa của gia đình bà.

Ngày 17/10/2013, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 1873/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại lần 2 của bà T có nội dung bác đơn.

Ngày 01/11/2013, bà Dương Thị T khởi kiện hành vi hành chính về việc không bồi thường về đất khi thu hồi của Ủy ban nhân dân thị xã L và yêu cầu Tòa án tuyên hủy 02 Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 30/3/2012 của Ủy ban nhân dân thị xã L và Quyết định số 338/QĐ-UBND về việc giải tỏa nhà, vật kiến trúc và cây trồng trên đất sân bay Phước Bình đối với hộ ông Nguyễn Văn L2.

Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà T, HĐXX thấy:

Sau khi nhận tiền bồi thường về tài sản trên đất, bà T làm đơn khiếu nại về việc không được bồi thường về đất. Tại các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã L và Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước đều có nội dung bác đơn, không đồng ý việc bà T yêu cầu được bồi thường về đất.

Như vậy, quyết định hành chính làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T là các quyết định giải quyết khiếu nại về việc không chấp nhận yêu cầu khiếu nại được bồi thường về đất khi thu hồi của bà, chứ không phải là hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thị xã L mà bà T khởi kiện. Bởi lẽ: Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính thì *hành vi hành chính là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc cơ quan tổ chức được thực giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.*

Nhưng ở đây việc Ủy ban nhân dân thị xã L không bồi thường về đất cho gia đình bà là căn cứ vào Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 20/11/2011 về việc phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân thuộc khu vực giải tỏa sân bay Phước Bình và Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án khu trung tâm hành chính và khu đô thị mới thị xã L của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước có nội dung “*Chỉ hỗ trợ đối với 23 hộ dân ở trước thời điểm ngày 06/01/1993 là xã viên hợp tác xã mây tre đan với mức hỗ trợ là 95% diện tích thực tế xây dựng....., còn đối với tất cả các trường hợp khác đều không được xem xét hỗ trợ*” để không bồi thường. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thị xã L

không thực hiện bồi thường về đất là đã thực hiện hành vi hành chính theo quyết định hành chính đã ban hành trước đó của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước.

Vì vậy, trường hợp của bà đáng lẽ ra bà phải khởi kiện các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND 02 cấp và Tòa án thụ lý giải quyết xem xét các quyết định này thì mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Tuy nhiên, Tòa án nhân dân thị xã Phước Long không hướng dẫn bà sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện để xác định lại đối tượng khởi kiện trong vụ án mà vẫn thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà và xác định hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thị xã L khi không bồi thường về đất cho gia đình bà là chưa chính xác, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

2.2 Về thời hiệu khởi kiện:

Đối với thời hiệu khởi kiện vụ án, do việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót, nên thời gian giải quyết vụ án không tính vào thời hiệu khởi kiện. Bà T có quyền khởi kiện các quyết định giải quyết khiếu nại số 719/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của Chủ tịch UBND thị xã L và Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Từ phân tích trên, xét thấy: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai đối tượng khởi kiện dẫn đến việc thụ lý giải quyết vụ án trên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Do đó, kháng cáo của bà T được chấp nhận một phần.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên được chấp nhận.

Án phí phúc thẩm, bà T không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Điều 349 Luật tố tụng hành chính; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Dương Thị T.

Hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HC-ST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Về án phí hành chính:

Án phí sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi vụ án được xét xử lại.

Án phí phúc thẩm: Bà T không phải chịu trả lại 200.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 5471 ngày 11/10/2016 tại Chi cục Thi hành án thị xã Phước Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- THADS thị xã Phước Long;
- TAND thị xã Phước Long;
- UBND tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Viết Hùng